

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2026
Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn L

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đăng Thiện

- Ông Lê Doãn Quế

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1018/2026/QĐXXST-HN ngày 22/6/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Dương L; sinh năm: 1957.

CCCD số: 038057019528; cấp ngày: 17/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng 1, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1962.

CCCD số: 038162032246; cấp ngày: 10/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Khu 3, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2025 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Dương L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông L và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa vào năm 1987. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Lê Dương Lâm, sinh ngày 24/3/1989 và Lê Dương Bưởi, sinh ngày 04/5/1990. Hiện tại các con đã thành niên, có gia đình, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà H thống nhất với phần nội dung về việc đăng ký kết hôn như ông L trình bày là đúng thực tế. Trong quá trình vợ chồng chung sống đang bình thường thì đến năm 2010 ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên bạo lực gia đình và đi nơi khác ở, vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho tới nay, ông không có trách nhiệm với vợ con, một mình bà H phải nuôi các con và lo cho gia đình, nay ông L yêu cầu ly hôn, bà H không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Bà H xác nhận giữa bà và ông L có hai con chung là Lê Dương Lâm, sinh năm 1989 và Lê Dương Bưởi, sinh năm 1990. Hiện tại hai con đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn không có mặt để tham gia hòa giải. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 8 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và

gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ông Lê Dương L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại Khu 3, xã Lam Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông L và bị đơn bà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với ông L, bà H.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*:

Nguyên đơn ông Lê Dương L và bị đơn bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (nay là xã Lam Sơn), tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến không còn tình cảm, ông L và bà H đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, chứng tỏ bà H không tích cực tham gia hòa giải nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Bà H và ông L trong thời gian sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết vì không có báo cáo với chính quyền địa phương, ông L và bà H sống mỗi người một nơi từ năm 2013 cho đến nay; Về đăng ký kết hôn, sổ liệu, sổ sách từ năm 1995 trở về trước UBND không còn lưu giữ nên không xác định được ông L và bà H có đăng ký kết hôn hay không; ông L và bà H có hai con chung là Lê Dương Lâm, sinh năm 1989 và Lê Dương Bưởi, sinh năm 1990.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, cho ông L được ly hôn với bà H là có căn cứ.

- *Về con chung:*

Ông L và bà H công nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Dương Lân, sinh năm 1989 và Lê Dương Bưởi, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã thành niên nên ông L, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Ông L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 150; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*”.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Dương L.

Ông Lê Dương L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Ông L, bà H công nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Dương Lân, sinh ngày 24/3/1989 và Lê Dương Bưởi, sinh ngày 04/5/1990. Hiện tại anh Lân và anh Bưởi đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Nguyên đơn ông L và bị đơn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Dương L được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Dương L, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Lam Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.



**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn L